TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-PT
Ngày 15-5-2024
"V/v tranh chấp xác định giá trị tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Huê, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 3 năm 2024 và 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp xác định giá trị tài sản trên đất"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 09/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 31/2024/TB-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 37/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 49/2024/TB-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Thông báo dời lịch xét xử số: 50/TB-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Y Nuang B (*tên gọi khác: Ma L*), sinh năm 1960; địa chỉ: Buôn N, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà I, đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*theo văn bản ủy quyền ngày 28-02-2023*) – *Có mặt*.

- Bị đơn:

1. Ông Mai Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 07, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

3. Ông Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ng1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 07, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 07, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 20-7-2023*) – *Có mặt*.

3. Bà Lê Thị Ng2, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 11-8-2023*) – *Vắng mặt*.

4. Ông Lê K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân K – *Vắng mặt*.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn D, ông Trần Văn N.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-02-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Y Nuang B và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1989, gia đình ông khai hoang được diện tích đất 47.686m^2, tọa lạc tại buôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau khi khai hoang, gia đình ông sử dụng ổn định đến năm 2000 thì phát sinh tranh chấp với ông Mai Văn D, ông Nguyễn Sỹ M, ông Trần Văn N, cụ thể:

- Hộ ông D lấn chiếm của ông diện tích đất 26.135m^2 thuộc các thửa đất số 100 và 116, tờ bản đồ số 28, được Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) số X ngày 27-01-2003.

- Hộ ông N lấn chiếm của ông diện tích đất 11.812m^2 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 143, tờ bản đồ 27, được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số Y ngày 27-01-2003.

- Hộ ông M lấn chiếm của ông diện tích đất 9.739m^2 thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 117, tờ bản đồ số 27, được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số Z ngày 27-01-2003.

Ngày 20-10-2003, UBND huyện C ra quyết định hủy GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ ông D, ông N, ông M do kê khai không trung thực nhưng ông D, ông N, ông M vẫn không trả lại đất cho ông. Trước đây ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D, ông N, ông M phải trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất 47.686m^2 nêu trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/DS-ST ngày 28-11-

2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút và Bản án dân sự phúc thẩm số: 32/2020/DS-PT ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông D, ông N, ông M trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông. Đối với tài sản trên đất sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ giá trị tài sản của ông D, ông N, ông M trên các thửa đất của ông để ông thanh toán lại giá trị tài sản được hưởng trên đất cho ông D, ông N, ông M.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn trình bày:

- *Ông Mai Văn D:* Ngày 13-12-2001, ông ký hợp đồng liên kết với Doanh nghiệp tư nhân (*viết tắt là DNTN*) K để trồng cao su trên thửa đất số 100 và thửa đất số 116, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. DNTN K đã giao cho ông tổng diện tích đất 19.000m^2 để trồng cây công nghiệp, cây cao su, muồng đen và cây ăn trái các loại. Theo hợp đồng thì DNTN K phải đầu tư khai hoang mặt bằng, giống cây cao su, chi phí hướng dẫn kỹ thuật trồng, chi phí vận chuyển cây giống, lãi vay và các chi phí khác. Tuy nhiên, DNTN K không thực hiện đầu tư như cam kết nên vợ chồng ông tự bỏ công sức dọn dẹp, trồng cây cao su và cây tếch từ năm 2007, hiện nay trên đất có 1.470 cây cao su trồng năm 2007 và 30 cây tếch. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y Nuang B thì ông yêu cầu Tòa án thẩm định lại giá trị cây trồng trên đất và buộc ông Y Nuang B phải trả cho vợ chồng ông giá trị cây trồng trên đất theo giá thị trường.

- *Ông Trần Văn N (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H):* Ngày 13-12-2001, ông ký hợp đồng liên kết với DNTN K để trồng cao su trên thửa đất số 86, tờ bản đồ 31 và thửa đất số 143, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. DNTN K giao cho ông tổng diện tích đất hơn 11.000m^2 để trồng cây công nghiệp, cây cao su, muồng đen và cây ăn trái các loại. Theo hợp đồng thì DNTN K phải đầu tư khai hoang mặt bằng, giống cây cao su, chi phí hướng dẫn kỹ thuật trồng, chi phí vận chuyển cây giống, lãi vay và các chi phí khác. Tuy nhiên, DNTN K không thực hiện đầu tư như cam kết nên vợ chồng ông tự bỏ công sức dọn dẹp, trồng cây cao su và cây tếch từ năm 2007. Hiện nay trên thửa đất số 86, tờ bản đồ 31 có 130 cây cao su trồng năm 2007, 18 cây tếch trồng năm 2007; trên thửa đất số 143, tờ bản đồ 33 có 570 cây cao su trồng năm 2007 và 32 cây tếch trồng năm 2007. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y Nuang B thì ông yêu cầu Tòa án thẩm định lại giá trị cây trồng trên đất và buộc ông Y Nuang B phải trả cho vợ chồng ông giá trị cây trồng trên đất theo giá thị trường.

- *Ông Nguyễn Sỹ M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ng2):* Ngày 01-11-2000, vợ chồng ông ký hợp đồng liên kết với DNTN K để trồng cao su trên thửa đất số 117, tờ bản đồ 27 (*theo tờ bản đồ mới hiện nay*), tọa lạc tại thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. DNTN K giao cho vợ chồng ông tổng diện tích đất hơn 6.600m^2 để trồng cây công nghiệp, cây cao su, muồng đen và cây ăn trái các loại. Theo hợp đồng thì DNTN K phải đầu tư khai hoang mặt bằng, giống cây cao su, chi phí hướng dẫn kỹ thuật trồng, chi phí vận chuyển cây giống, lãi vay và các chi phí khác. Tuy nhiên, DNTN K không thực hiện đầu tư như cam kết nên vợ chồng ông tự bỏ công sức dọn dẹp, trồng cây cao su và cây tếch từ năm 2011. Hiện nay

trên đất có 455 cây cao su trồng năm 2011; 15 cây tếch trồng năm 2011. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y Nuang B thì ông đề nghị Tòa án buộc ông Y Nuang B phải trả cho vợ chồng ông giá trị cây trồng trên đất theo giá thị trường; ông không có ý kiến gì về kết quả thẩm định giá tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ng1 đồng ý với nội dung trình bày của ông Mai Văn D.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 18-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 5, khoản 1, 2, 4 Điều 91, các Điều 144, 147, 157, 165, 180, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y Nuang B:

- Buộc ông D, bà Ng1 phải giao 1.470 cây cao su trồng năm 2007 và 30 cây tếch trồng năm 2013 trên các thửa đất số 100 và 116, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho ông Y Nuang B. Buộc ông Y Nuang B có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà Ng1 giá trị cây trồng trên đất là 645.420.000 đồng.

- Buộc ông N, bà H phải giao 700 cây cao su trồng năm 2007 và 50 cây tếch trồng năm 2007 trên thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho ông Y Nuang B. Buộc ông Y Nuang B có nghĩa vụ thanh toán cho ông N, bà H giá trị cây trồng trên đất là 360.200.000 đồng.

- Buộc ông M, bà Ng2 phải giao 455 cây cao su trồng năm 2011 và 15 cây tếch trồng năm 2011 trên thửa đất số 117, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho ông Y Nuang B. Buộc ông Y Nuang B có nghĩa vụ thanh toán cho ông M, bà Ng2 giá trị cây trồng trên đất là 159.225.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01-11-2023, bị đơn ông Mai Văn D kháng cáo yêu cầu nguyên đơn phải trả công khai hoang đất số tiền 560.000.000 đồng và định giá lại tài sản theo đúng giá trị thực tế hiện nay.

Ngày 01-11-2023, bị đơn ông Trần Văn N kháng cáo yêu cầu nguyên đơn phải trả công khai hoang đất số tiền 335.000.000 đồng và định giá lại tài sản theo đúng giá trị thực tế hiện nay.

Ngày 01-11-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông kháng nghị yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và kháng cáo của ông Mai Văn D, ông Trần Văn N: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 18-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Mai Văn D và ông Trần Văn N nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật; quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông trong thời hạn luật định.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định DNTN K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác, bởi lẽ DNTN K không có tư cách pháp nhân. Theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Luật doanh nghiệp năm 2020 thì "*Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật*". Như vậy, trường hợp này cần xác định ông Lê K - Chủ DNTN K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành xác minh, cấp, tống đạt, thông báo hoặc niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của Chủ DNTN K mới đúng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng cho đúng và nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm, tránh sai sót.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[2.1]. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 32/2020/DS-PT ngày 29-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (*viết tắt là Bản án số: 32/2020/DS-PT*) đã quyết định: "*Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Ông Mai Văn D và bà Trần Thị Ng1 trả lại cho ông Y Nuang B thửa đất số 100 và 116, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có diện tích 26.135m^2; ông Trần Văn N và bà Trần Thị H trả lại cho ông Y Nuang B thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có tổng diện tích 11.812m^2; ông Nguyễn Sỹ M và bà Lê Thị Ng2 trả lại cho ông Y Nuang B thửa đất số 117, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có diện tích 7.303m^2; ông Y Nuang B có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.* ***Đối với tài sản trên đất sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu***". Như vậy, theo nội dung tại phần quyết định của Bản án số: 32/2020/DS-PT thì Tòa án mới chỉ giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất (*xác định ai là người được quyền sử dụng đất*) mà chưa xem xét, giải quyết về cây trồng, tài sản gắn liền trên đất và công sức tôn

tạo, duy trì làm tăng giá trị quyền sử dụng đất của người quản lý, sử dụng đất ngay tình, công khai, liên tục theo quy định của pháp luật (*nếu có*).

Do vậy, quá trình thi hành Bản án số: 32/2020/DS-PT, do các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên nên ông Y Nuang B khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định giá trị cây trồng, tài sản của bị đơn trên đất để ông Y Nuang B có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho ông D - bà Ng1, ông N - bà H, ông M - bà Ng2 và để các gia đình ông D - bà Ng1, ông N - bà H, ông M - bà Ng2 thi hành Bản án số: 32/2020/DS-PT, trả lại quyền sử dụng đất cho ông Y Nuang B là phù hợp.

[2.2]. Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định giá trị cây trồng, tài sản trên đất đúng theo quy định của pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc Tòa án đánh giá chứng cứ và ra phán quyết nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, do quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không hợp tác, không cung cấp giá tài sản tranh chấp; không thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp và cũng không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để tiến hành việc thẩm định giá, nên trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn Tòa án lựa chọn tổ chức thẩm định giá để tiến hành thẩm định giá tài sản. Về thực tế thì kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá thường sát với giá thị trường hơn so với kết quả định giá của Hội đồng định giá theo quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng về trình tự, thủ tục lại không đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5 Thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28-3-2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính dẫn đến bị đơn có ý kiến không chấp nhận và đề nghị định giá lại.

[2.3]. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn thanh toán 1/3 giá trị quyền sử dụng đất, sau đó bị đơn rút đơn phản tố và trình bày ý kiến yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán giá trị cây trồng trên đất cùng công sức tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp chứng cứ mới là bản gốc hợp đồng liên kết với DNTN K để chứng minh bị đơn là người thứ ba ngay tình thực hiện việc quản lý, sử dụng đất liên tục và chứng minh cho việc yêu cầu thanh toán công sức tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, nên khi giải quyết vụ án Tòa án cần phải xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan đúng theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Như vậy, với những tình tiết và phân tích nêu trên để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và để Bản án số: 32/2020/DS-PT phải được nghiêm chỉnh chấp hành, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của người kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ chấp nhận, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông D và ông N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 18-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Văn D và ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Mai Văn D số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số R (*không ghi ngày*) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông; trả lại cho ông Trần Văn N số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số W ngày 02-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng